

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-9-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Thảo và bà Rolan Trương Thị Anh Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 395/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Minh T - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nông Minh D - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn X, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn - Bà Đinh Thị Minh T trình bày:**

Tôi và ông Nông Minh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/3/2015. Trong quá trình chung sống với nhau, chúng tôi hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D chơi bời cờ bạc, lờ

đề, cá độ đá banh, dẫn đến nợ nần, gia đình đã phải bán toàn bộ tài sản để trả nợ cho ông D. Ông D thường xuyên phải đi trốn nợ, làm ảnh hưởng tới tôi và tâm lý của con. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng ông D không thay đổi, nay tình cảm giữa tôi và ông D không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nông Ngọc Tường V, sinh ngày 17/10/2015. Hiện nay cháu đang sống cùng tôi, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Bị đơn - Ông Nông Minh D* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - bà Đinh Thị Minh T là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị Minh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nông Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Bà Đinh Thị Minh T và ông Nông Minh D chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/3/2015. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa bà T và ông D có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D thường xuyên chơi **bời cò bạc, lô đề, cá độ đá banh**, dẫn đến nợ nần, gia đình đã phải bán toàn bộ tài sản để trả nợ cho ông D. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay thì chưa quay về chung sống với nhau ngày nào và vợ chồng

ông bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn. Đến nay do vợ chồng ông bà đã sống ly thân quá lâu nên bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nông Minh D.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bà Đinh Thị Minh T và ông Nông Minh D không yêu cầu hòa giải tại cơ sở vì vậy nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu thì địa phương không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đinh Thị Minh T và ông Nông Minh D đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng bà T, ông D có 01 con chung là cháu Nông Ngọc Tường V, sinh ngày 17/10/2015. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà T là được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu V đang sống cùng với bà T và bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu cho bà Đinh Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Minh T xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí:*

Bà Đinh Thị Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- *Áp dụng:* Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị Minh T. Bà Đinh Thị Minh T được ly hôn ông Nông Minh D.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nông Ngọc Tường V, sinh ngày 17/10/2015 cho bà Đinh Thị Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Nông Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Minh T xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Đinh Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0007984 ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA DS BMT;
- UBND xã Ea Kao, Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức